TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU C** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 45/2023/QĐST-DS	*Tiểu C, ngày 19 tháng 8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ biên bản hòa giải thành ngày 30 tháng 7 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 407/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2024;

XÉT THẤY:

Sự thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện. Nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành và không có đương sự nào thay đổi ý kiến hay có yêu cầu khác về sự thoả thuận đó. Đồng thời có sự đồng ý của tất cả những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt (các con bà Lê Thị D, ông Lê Văn E, gồm: chị Lê Thị Mộng Nhi, anh Lê Thanh S, chị Lê Thị Mộng Th và các con bà Lê Thị Đ, ông Nguyễn Tấn Ch gồm: chị Nguyễn Thị Thúy Ng, anh Nguyễn Minh T, anh Nguyễn Chí Q, anh Nguyễn Chí L), cũng như ý kiến thống nhất bằng văn bản số: 1182/CTHADS – NV ngày 13/8/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh, Tòa án nhận ngày 19/8/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị D, sinh năm 1962. Địa chỉ: ấp Cây G, xã Hiếu Tr, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1967. Địa chỉ: ấp Cây G, xã Hiếu Tr, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (các con bà Lê Thị Đ):*

Chị Nguyễn Thị Thúy Ng, sinh năm 1981. Địa chỉ: ấp Cây G, xã Hiếu Tr, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh.

Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1993. Địa chỉ: ấp Cây G, xã Hiếu Tr, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh.

Anh Nguyễn Chí Q, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp Cây G, xã Hiếu Tr, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh.

Anh Nguyễn Chí L, sinh năm 1986. Địa chỉ: ấp Cái K, xã Quách Th, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (các con bà Lê Thị D):*

Chị Lê Thị Mộng Nh, sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp Cây G, xã Hiếu Tr, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh.

Anh Lê Thanh S, sinh năm 1985. Địa chỉ: ấp Cây G, xã Hiếu Tr, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh.

Chị Lê Thị Mộng Th, sinh năm 1988. Địa chỉ: ấp Cây G, xã Hiếu Tr, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh.

Anh Lê Văn M, sinh năm 1995. ấp Cây G, xã Hiếu Tr, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bà Lê Thị D và bà Lê Thị Đ với anh Lê Văn M cùng thống nhất xác nhận năm 2013 bà Lê Thị Đ, ông Nguyễn Tấn Ch (chết ngày 11/7/2022) với bà Lê Thị D, ông Lê Văn E (chết ngày 17/02/2023) có thỏa thuận cầm số quyền sử dụng đất thửa 461 (trước đây là thửa 405), diện tích 3.272,8m^2, tờ bản đồ số 38 (trước đây là tờ bản đồ số 10), tọa lạc ấp Cây G, xã Hiếu Tr, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh, theo tờ cầm đất ngày 06/7/2013.

- Bà Lê Thị D và bà Lê Thị Đ với anh Lê Văn M thống nhất thỏa thuận:

+ Vô hiệu hợp đồng cầm số quyền sử dụng đất thửa 461 (trước đây là thửa 405), diện tích 3.272,8m^2, tờ bản đồ số 38 (trước đây là tờ bản đồ số 10), tọa lạc ấp Cây G, xã Hiếu Tr, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh giữa bà Lê Thị Đ, ông Nguyễn Tấn Ch với bà Lê Thị D, ông Lê Văn E, theo tờ cầm đất ngày 06/7/2013. Đồng thời bà Lê Thị D đồng ý cùng với các con là chị Lê Thị Mộng Nh, anh Lê Thanh S, chị Lê Thị Mộng Th và anh Lê Văn M trả lại cho bà Lê Thị Đ thửa đất 461 (trước đây là thửa 405), diện tích 3.272,8m^2, tờ bản đồ số 38 (trước đây là tờ bản đồ số 10), tọa lạc ấp Cây G, xã Hiếu Tr, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh, đất do bà Lê Thị Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, cấp ngày 05/02/2024 và bà Lê Thị Đ đồng ý cùng với các con là chị Nguyễn Thị Thúy Ng, anh Nguyễn Minh T, anh Nguyễn Chí Q và anh Nguyễn Chí L đồng ý trả lại cho bà Lê Thị D số tiền cầm đất 100.000.000đ (*bằng chữ:* một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án (tất cả các khoản tiền) theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

+ Đối với tài sản tên đất: Tại buổi hòa giải ngày 30/7/2024, bà Lê Thị D và bà Lê Thị Đ với anh Lê Văn M thống nhất xác nhận tại thời điểm giải quyết vụ án, hiện trạng thửa đất 461 (trước đây là thửa 405), diện tích 3.272,8m^2, tờ bản đồ số 38 (trước đây là tờ bản đồ số 10) nêu trên do bà Lê Thị D trực tiếp quản lý, sử

dụng, canh tác trồng lúa đang vụ hè – thu được khoảng 70 ngày tuổi sắp tới ngày thu hoạch. Sau khi thu hoạch lúa xong hộ gia đình bà Lê Thị D đồng ý sẽ giao trả cho bà Lê Thị Đ. Ngoài ra, tên đất không có tài sản công trình xây dựng hoặc cây trồng nào khác. Các đương sự cũng xác nhận không tranh chấp về quyền sử dụng đất mà chỉ tranh chấp giao dịch (hợp đồng) cầm cố nên không yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản đối với thửa đất 461 (trước đây là thửa 405) nêu trên nên Tòa án không tiến hành xem xét thẩm định tài sản.

+ Đối với việc đương sự có cung cấp Quyết định cưỡng chế, kê biên (QĐ số 11/QĐ-CTHADS ngày 29/5/2024) và Thông báo cưỡng chế (TB số: 09/TB-CTHADS ngày 29/5/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh về thửa đất 461 (trước đây là thửa 405) nêu trên, Tòa án nhân dân huyện Tiểu C đã có văn bản đề nghị Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh có ý kiến. Tại văn bản số: 1182/CTHADS-NV ngày 13/8/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh cho rằng việc sự thỏa thuận của các đương sự trong vụ án này tại biên bản hòa giải thành ngày 30/7/2024 không ảnh hưởng đến quyền lợi của những người được thi hành án nên Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh cũng thống nhất.

Về án phí sơ thẩm: Tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bằng 2,5% trên số tiền 100.000.000 đồng, với số tiền 2.500.000 đồng. Bà Lê Thị D đồng ý chịu 1.250.000 đồng và bà Lê Thị Đ đồng ý chịu 1.250.000 đồng. Nhưng các đương sự cùng là người thuộc đối tượng được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí (bà D là người cao tuổi, bà Đ là người khuyết tật) và có đơn yêu cầu miễn, giảm tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại các điều 12, 13, 14 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên các đương sự không phải nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS.ND Tiểu C;
- Chi cục THADS Tiểu C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(ĐÃ KÝ)

Kim Thị Hồng Nga